TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

Bản án số: 29/2022/DSST
Ngày: 14-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông VNH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H.

2. Ông Ngô Văn B.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Duy M – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số:14/2022/QĐST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH VN.

Trụ sở: Số 169 phố L Đ, phường H L, quận H M, thành phố H N.

Đại diện theo pháp luật: Ông D Q T – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông N V Q – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G C T.

Theo bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông V T N – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G C T.

Theo văn bản ủy quyền số 199b/UQ-PGD ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G C T.

2. Bị đơn:

- Ông V V E, sinh năm 1964;

- Anh V V Q, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp T A, xã T P, huyện T P Đ, tỉnh T G.

(Ông Q có mặt, ông E, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N V Q và đại diện do ủy quyền lại ông V T N trình bày:

Ngày 23 tháng 07 năm 2016, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G C T có phê duyệt cho hộ ông V V E ngụ ấp T A, xã T P, huyện T P Đ, tỉnh T G vay số tiền 40.000.000 đồng, mã món vay 6600000708021527 với lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 23 tháng 07 năm 2021 với mục đích chăn nuôi dê thuộc chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Theo hợp đồng 6600000708021527 thỏa thuận giữa Ngân hàng và hộ vay là 12 tháng trả nợ gốc 1 kỳ, số tiền 8.000.000 đồng, kể từ ngày 23/07/2017 và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 23 tháng 08 năm 2016; Đến nay hộ ông V V E chưa thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Hiện hộ ông V V E còn nợ Ngân hàng CSXH với số tiền vốn gốc: 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* và lãi tạm tính đến ngày 03 tháng 06 năm 2021 là 14.346.000 đồng *(Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)*.

Ngày 23 tháng 11 năm 2016, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G C T có phê duyệt cho hộ ông V V E ngụ ấp T A, xã T P, huyện T P Đ, tỉnh T G vay số tiền 12.500.000 đồng, mã món vay 6600000708995209 với lãi suất 0,55%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 23 tháng 08 năm 2021 với mục đích chi phí học tập sinh hoạt cho sinh viên V V Q thuộc chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Theo hợp đồng 6600000708995209 thỏa thuận giữa Ngân hàng và hộ vay là 6 tháng trả nợ gốc 1 kỳ, số tiền 4.100.000 đồng, kể từ ngày 23 tháng 08 năm 2020, kỳ cuối cùng 4.300.000 đồng và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 23 tháng 09 năm

2019; Đến nay hộ ông V V E chưa thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Hiện hộ ông V V E còn nợ Ngân hàng CSXH với số tiền vốn gốc: 12.500.000 đồng *(Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng)* và lãi tạm tính đến ngày 03 tháng 06 năm 2021 là 2.828.000 đồng *(Hai triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng).*

Ngày 23 tháng 11 năm 2016, Phòng giao dịch CSXH huyện G C T có phê duyệt cho hộ ông V V E ngụ ấp T A, xã T P, huyện T P Đ, tỉnh T G vay số tiền 6.000.000 đồng, mã món vay 6600000708974847 với lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 23 tháng 11 năm 2021 với mục đích vào nước sinh hoạt thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Theo hợp đồng 6600000708974847 thỏa thuận giữa Ngân hàng và hộ vay là 6 tháng trả nợ gốc 1 kỳ, số tiền 600.000 đồng, kể từ ngày 23 tháng 05 năm 2017 và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2016; Đến nay hộ ông V V E chưa thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Hiện hộ ông V V E còn nợ Ngân hàng CSXH với số tiền vốn gốc: 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)* và lãi tạm tính đến ngày 03/06/2021 là 1.850.000 đồng *(Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Tổng số tiền hộ ông V V E đã vay vốn Ngân hàng là 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)*, đến nay còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)*, tổng số tiền lãi tạm tính đến 03/06/2021 là 19.024.000 đồng *(Mười chín triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).*

Yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau với bị đơn: yêu cầu ông V V E, Ông V V Q trả nợ cho Ngân hàng số tiền đã vay vốn gốc 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng),* và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đã được ký kết cho đến khi hộ ông V V E trả hoàn tất nợ cho ngân hàng, (lãi tạm tính đến ngày 03/06/2021 là 19.024.000 đồng *(Mười chín triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).*

* Bị đơn V V E và V V Q mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn V V Q và V V E mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông E và anh Q vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Em và anh Quang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH yêu cầu ông V V E và các thành viên trong hộ là anh V V Q và ông V V E liên đới trả số tiền vốn gốc là 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)*. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ngân hàng hàng cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông các chứng cứ: hợp đồng 6600000708021527; hợp đồng 6600000708995209; hợp đồng 6600000708974847. Theo sổ lưu tờ rời do ngân hàng cung cấp thì hộ ông Võ Văn Em còn nợ ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vốn gốc là 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)*. Việc ông E và anh Q vay vốn là để phát triển kinh tế gia đình, làm công trình nhà vệ sinh và nước sạch nông thôn, vay để anh Quang đi học. Theo "Xác nhận nhân khẩu" ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Trưởng công an xã T T thì trong hộ ông V V E gồm có ông V V E và anh V V Q. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hộ ông V V E gồm có ông V V E và anh V V Q còn nợ Ngân hành Chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)* là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH về việc yêu cầu trả tiền vốn gốc

[4] Về yêu cầu tính lãi: Ngân hàng CSXH VN yêu cầu hộ ông V V E gồm: ông V V E và anh V V Q trả lãi theo hợp đồng tính dụng là 0,8%/tháng cho đến khi hết nợ (lãi tạm tính đến ngày 14 tháng 4 năm 2022 là 23.332.767 đồng) là có cơ sơ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc ông V V E và anh V V Q phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH.

Buộc ông V V E và anh V V Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CSXH VN số tiền vốn gốc 58.500.000 đồng *(Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)*, và tiền lãi theo hợp đồng tính dụng (lãi tạm tính đến ngày 14 tháng 4 năm 2022 là 23.332.767 đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc ông V V E và anh V V Q phải liên đới chịu 4.091.638 đồng *(Bốn triệu không trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

VNH